

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/DS-PT
Ngày 18 - 4 - 2023
“V/v chia tài sản chung của vợ
chồng và tranh chấp chia di sản
thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thúy Mai;

Ông Nguyễn Xuân Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh V.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:

Bà Hà Thị Loan- Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh V xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2022/TLPT- DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng và chia di sản thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 103/2022/QĐ - PT ngày 13 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị H, sinh năm 1956; địa chỉ: Phố Y, xã T, huyện M, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Chị Lê Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn 1, xã V, huyện V, tỉnh V; (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Ngô Đại T, sinh năm 1974; địa chỉ: Số nhà 5, ngõ 4, đường N, tổ 2, phường X, thành phố P, tỉnh V; (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Ngô Thị Hạnh N, sinh năm 1992; địa chỉ: Phố Y, xã T, huyện M, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của chị N: Chị Lê Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn 1, xã V, huyện V, tỉnh V; (Có mặt).

+ Chị Nghiêm Thị Minh T, sinh năm 1978; địa chỉ: Số nhà 5, ngõ 4,

đường N, tổ 2, phường X, thành phố P, tỉnh V; (Có mặt).

+ Chị Ngô Thị Thanh H1, sinh năm 1972; địa chỉ: Số nhà 18, ngõ 119/5, tổ 1, thị trấn S, huyện S, thành phố H; (Có mặt).

+ Chị Ngô Thị Thu H2, sinh năm 1975; địa chỉ: Số nhà 22, ngõ 3, đường L, phường X, thành phố P, tỉnh V; (Có mặt).

4. *Người kháng cáo:* Chị Lê Thị H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và anh Ngô Đại T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 10 năm 2021 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị H là chị Lê Thị H trình bày:

Ông Ngô Hạnh P (sinh năm 1948, chết năm 2013) và bà Ngô Thị H kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 25/3/1992 tại UBND thị trấn X, thị xã P, tỉnh V (nay là phường X, thành phố P, tỉnh V). Ông bà có một con chung là chị Ngô Hạnh N. Ông P còn có 3 người con riêng là: anh Ngô Đại T, chị Ngô Thị Thanh H và chị Ngô Thị Thu H.

Năm 2001, ông bà cùng nhau mua được một thửa đất có diện tích 422,6m² có địa chỉ tại nhà số 5, ngõ 4, đường N, phường X, thị xã P, tỉnh V (nay là thành phố P). Đầu năm 2002, tiến hành xây ngôi nhà 3 tầng và 2 dãy phòng trọ trên thửa đất trên. Sau khi xây nhà xong thì ông bà và các con cùng nhau sinh sống ở đó.

Khoảng tháng 5 năm 2013 sau khi mua thửa đất trên thì ông bà đã làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất. Đến năm 2015 thì mới được UBND thị xã P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 060025 ngày 23/6/2015 đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ 15, diện tích 422,6m² (trong đó đất ở đô thị là 15,9m²; đất trồng cây lâu năm: 406,7m²), địa chỉ tại phường X, thị xã P, tỉnh V (nay là thành phố P) mang tên chủ sử dụng là ông Ngô Hạnh P và bà Ngô Thị H.

Ngày 19 tháng 10 năm 2013, Ông P chết không để lại di chúc. Sau khi Ông P chết được hơn 100 ngày thì bà H có việc phải về quê ở huyện M, thành phố H để chăm bố mẹ ốm. Đầu năm 2014, khi bà H quay lại nhà thì anh T và bà H có sự mâu thuẫn nên bà H đã chuyển về ở nhờ nhà anh em họ hàng ở xã T, huyện M, thành phố H. Con gái bà H là Ngô Hạnh N từ đó cũng không quay về nhà ở nhà số 5, ngõ 4, đường N, phường X, thị xã P, tỉnh V (nay là thành phố P).

Bà H khẳng định quyền sử dụng thửa đất trên cùng nhà cửa và các công trình xây dựng trên đất là tài sản của vợ chồng cùng nhau xây dựng. Năm 2013 Ông P chết không để lại di chúc, do đó một phần trong khối tài sản trên trở

thành di sản thừa kế của Ông P để lại và cần được chia theo pháp luật đối với tất cả những người được hưởng quyền thừa kế của Ông P. Phần còn lại thuộc quyền sử dụng, sở hữu của bà H.

Bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà H được hưởng $\frac{1}{2}$ tài sản trong khối tài sản chung với Ông P và chia di sản thừa kế do Ông P để lại theo quy định của pháp luật. Bà H đề nghị được nhận bằng hiện vật.

Bà H đồng ý biên bản thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 6/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh V

Trong bản tự khai ngày 22/11/2021 của anh Ngô Đại T và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền của anh T trình bày:

Anh T là con trai của ông Ngô Hạnh P. Gia đình anh T sinh sống ổn định, không tranh chấp với ai trên thửa đất số 95, tờ bản đồ 05, diện tích 422,6m² tại số 05, ngõ 04 đường N, X, P, Vĩnh Phúc. Nguồn gốc đất là do ông Ngô Hạnh P mua của vợ chồng bà H khoảng từ năm 1999 đến năm 2000 và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 19/10/2013 Ông P chết, không để lại di chúc, anh T cùng bà Ngô Thị H ở trên thửa đất này. Khoảng năm 2015 bà H đã tự rời bỏ đi và chuyển về ở tại Phô Y, T, M, H sinh sống cho đến nay.

Bà H và Ông P kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 25/3/1992 tại UBND thị trấn X (nay là phường X, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh V) và có một con chung là chị Ngô Hạnh N. Ông P còn có 3 người con riêng là: anh Ngô Đại T, chị Ngô Thị Thanh H và chị Ngô Thị Thu H.

Khi Ông P mất, thửa đất trên vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Sau một thời gian thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và mang tên bà H và Ông P, chính điều trên đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình anh T. Anh T không đồng ý nội dung khởi kiện của bà H

Anh T đồng ý biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 06/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh V.

Tại cấp sơ thẩm luật sư Nguyễn Văn T và luật sư Trịnh Văn T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có quan điểm: Đồng ý với trình bày của người được ủy quyền của bị đơn và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xác định $\frac{1}{2}$ thửa đất số 95, tờ bản đồ số 15, diện tích 422,6m² và các tài sản trên đất là của riêng bà H, xác định công sức đóng góp trong việc tạo dựng thửa đất trên của Ông P là nhiều hơn và chia cho Ông P 7/10 và chia cho bà H 3/10 giá trị của tài sản chung, các tài sản hình thành trên đất là tài sản chung do Ông P và bà H cùng tạo dựng. Chia cho các đồng thừa kế bằng hiện vật, cho anh T được nhận phần đất mà anh đã làm nhà trồng lan trên đất, cho anh

T được nhận ngôi nhà 3 tầng để làm nơi thờ cúng bố và tổ tiên. Còn các tài sản khác chia theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Ngô Hạnh N trình bày

Mẹ chị N là bà H và Ông P kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 25/3/1992 tại UBND thị trấn X, thị xã P, tỉnh V và có một con chung là chị Ngô Hạnh N và bố chị là Ông P có 3 người con riêng là: Ngô Đại T, Ngô Thị Thanh H, Ngô Thị Thu H.

Chị N đồng ý với lời khai của bà H và người được ủy quyền của bà H và đồng ý việc chia thừa kế đối với phần tài sản của Ông P tại thửa đất số 95, tờ bản đồ 05, diện tích 422,6m², địa chỉ thửa đất: Số 05, ngõ 04 đường N, X, P, Vĩnh Phúc. Nếu phải chia thừa kế thì chị N nhận di sản thừa kế bằng hiện vật và phần di sản thừa kế chị nhận được thì chị tặng cho mẹ chị là bà H.

Chị N đồng ý với biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 6/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh V

Chị Nghiêm Thị Minh T và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Chị T là con dâu của ông Ngô Hạnh P, là vợ của anh Ngô Đại T. Gia đình chị T sinh sống ổn định, không tranh chấp với ai trên thửa đất số 95, tờ bản đồ 05, diện tích 422,6m², địa chỉ thửa đất: Số 05, ngõ 04 đường N, X, P, Vĩnh Phúc. Nguồn gốc thửa đất là do bố chồng chị T là ông Ngô Hạnh P mua của vợ chồng bà H khoảng thời gian từ năm 1999 đến năm 2000 cho tới khi bố chồng chị T chết (10/2013) thửa đất trên vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau một thời gian chị T được biết thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà H và Ông P. Từ khi về làm dâu và trong quá trình sinh sống trên thửa đất trên, chị T và anh T, luôn tôn tạo, quản lý đất và tài sản gắn liền với đất để thuận tiện cho sinh hoạt và đời sống hằng ngày. Vợ chồng chị T đã tu sửa nhiều tài sản trong nhà do xuống cấp, hư hỏng nặng.

Chị T không đồng ý việc chia thừa kế đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ 05, diện tích 422,6m² địa chỉ thửa đất: Số 05, ngõ 04 đường N, X, P, Vĩnh Phúc.

Chị T đồng ý biên bản thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 6/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh V.

Chị Ngô Thị Thu H và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền trình bày

Chị là con gái của Ông P. Chị H đồng ý với lời khai của anh T và người được ủy quyền của anh T tại Tòa án, Chị H không đồng ý việc chia thừa kế đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ 05, diện tích 422,6m² địa chỉ thửa đất: Số 05, ngõ 04 đường N, X, P, Vĩnh Phúc. Trong trường hợp phải chia thừa kế thì Chị H

nhận di sản thừa kế bằng hiện vật và phần di sản thừa kế được hưởng chị cho anh trai chị là anh Ngô Đại T.

Chị H đồng ý với biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 06/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh V

Chị Ngô Thị Thanh H1 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Chị là con gái của Ông P. Chị H1 đồng ý với lời khai của anh T và người được ủy quyền của anh T tại Tòa án và không đồng ý việc chia thừa kế đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ 05, diện tích 422,6m² địa chỉ thửa đất: Số 05, ngõ 04 đường N, X, P, Vĩnh Phúc. Trong trường hợp phải chia thừa kế thì Chị H1 nhận di sản thừa kế bằng hiện vật và phần di sản thừa kế được hưởng chị cho em trai chị là anh Ngô Đại T.

Chị H1 đồng ý biên bản thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 06/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh V

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 12/2022/TB-TA ngày 11/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh V đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H về việc tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với anh Ngô Đại T.

2. Chia cho bà Bà Thị Hòa 211,3 m² đất và tài sản gắn trên đất tại thửa đất số 95, tờ bản đồ 15, diện tích 422,6m² (trong đó đất ở đô thị là 15,9m²; đất trồng cây lâu năm 406,7m²), địa chỉ tại phường X, thành phố P, tỉnh V được UBND thị xã P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 060025 ngày 23/6/2015 mang tên chủ sử dụng là ông Ngô Hạnh P và bà Ngô Thị H.

3. Chia cho anh Ngô Đại T được sở hữu, sử dụng các tài sản gồm:

- Quyền sử dụng diện tích 246,0m² đất (trong đó đất ở đô thị 8,8m², đất trồng cây lâu năm 237,2m²) thuộc một phần thửa đất số 95, tờ bản đồ 15, diện tích 422,6m² (trong đó đất ở đô thị là 15,9m²; đất trồng cây lâu năm: 406,7m²), địa chỉ tại phường X, thành phố P, tỉnh V được UBND thị xã P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 060025 ngày 23/6/2015 mang tên chủ sử dụng là ông Ngô Hạnh P và bà Ngô Thị H có trị giá 246,0 m² x 6.000.000,0 đồng/ m² = 1.476.000.000đồng và được sở hữu tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 3 tầng có diện tích xây dựng khoảng 125 m²/sàn và các công trình xây dựng nhà trọ, cổng nhà, bờ rào thuộc trên diện tích đất được chia (Các công trình xây dựng trên diện tích đất đều đã hết khấu hao) nằm trên diện tích đất được giới hạn bởi các mốc: A, B, K, I1, F, F1, G, H, G2, G1, A (trong đó: AB dài 8,35m, BK dài 10,0 m, KI1 dài 0,9m, I1F dài 16,65m, FF1 dài 1,1m, F1G dài 4,0m, GH dài 4,3m, HG2 dài 16,3m, G2G1 dài 0,9m, G1A dài 6,38m).

Ranh giới đất như sau: Phía Đông Nam giáp đường bê tông xóm theo các mốc F,F1,G,H; phía Đông Bắc giáp phần đất chia cho bà Ngô Thị H theo các mốc F,I1,K,B; phía Tây Nam giáp đất ông bà Tường Thủy theo các mốc H,G2,G1,A; phía Đông Bắc giáp đường bê tông theo các mốc AB.

Buộc anh Ngô Đại T phải tháo dỡ 01 nhà khung thép có diện tích sàn là 116 m² có vị trí tương đương tầng 2 của ngôi nhà 3 tầng được giới hạn bởi các mốc I1,D1,E,F,I1 (thường gọi là nhà trồng Lan) và toàn bộ cửa ra vào và các kết cấu đi kèm theo cửa như đường ray, dầm bê tông, dầm thép...ở vị trí các mốc E,F (sau khi tháo dỡ toàn bộ vật liệu thuộc sở hữu của anh Ngô Đại T).

Anh Ngô Đại T được sở hữu, sử dụng các tài sản có giá trị là: 1.476.000.000đ.

4. Chia cho bà Ngô Thị H được sở hữu, sử dụng các tài sản gồm: Quyền sử dụng diện tích 176,6m² đất (trong đó đất ở đô thị 7,1 m², đất trồng cây lâu năm 169,5m²) thuộc một phần thửa đất số 95, tờ bản đồ 15, diện tích 422,6m² (trong đó đất ở đô thị là 15,9m²; đất trồng cây lâu năm: 406,7m²) địa chỉ tại phường X, thành phố P, tỉnh V được UBND thị xã P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 060025 ngày 23/6/2015 mang tên chủ sử dụng là ông Ngô Hạnh P và bà Ngô Thị H có trị giá 176,6 m² x 6.000.000,0 đồng/m² = 1.059.600.000đồng và được sở hữu tài sản gắn liền với đất là các công trình xây dựng nhà trọ, sân gạch trên diện tích được chia (các công trình xây dựng trên diện tích đất đều đã hết khấu hao) nằm trên diện tích đất được giới hạn bởi các mốc B, C, D, D1, E, F, I1, K, B (trong đó BC dài 6,8m, CD dài 8,29m, DD1E dài 21,84m, EF dài 5,8m, FI1 dài 16,65m, I1K dài 0,9m. KB dài 10,0m). Ranh giới đất như sau: Phía Đông Nam giáp đường bê tông xóm theo các mốc E, F; phía Tây giáp phần của thửa đất chia cho anh Ngô Đại T theo các mốc F, I1, K, B; phía Đông Bắc giáp đất ông bà Tình Huyền và ông bà Tú Huyền theo các mốc E, D1, D, C; phía Đông Bắc giáp đường bê tông theo các mốc B, C. Bà Ngô Thị H được sở hữu, sử dụng các tài sản gồm có giá trị 1.059.600.000đồng.

5. Giá trị tài sản thừa kế anh Ngô Đại T được hưởng (140,1 m² x 6.000.000 đ/m²) là 840.600.000đồng. Giá trị tài sản được chia: 1.476.000.000 đồng. Số tiền vượt quá phải thanh toán chênh lệch cho các đồng thừa kế khác (bà Ngô Thị H) là 635.400.000 đồng.

Giá trị tài sản thừa kế Bà Ngô Thị H được hưởng (282,5 m² x 6.000.000 đồng/m²) là 1.695.000.000đồng. Giá trị tài sản được chia: 1.059.600.000 đồng. Số tiền được nhận từ các đồng thừa kế khác (anh Ngô Đại T) 635.400.000đồng

Buộc anh Ngô Đại T phải thanh toán chênh lệch tài sản khi được chia thừa kế cho bà Ngô Thị H (Sau khi trừ đi số tiền 100.000.000đồng tiền chi phí mai táng và chuyển mộ năm 2017) là 535.400.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/9/2022 chị Lê Thị H là người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị H kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Ngày 13/9/2022 anh Ngô Đại T kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và không rút kháng cáo, bị đơn không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

- Về việc giải quyết vụ án:

- + Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của các đương sự

- + Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh V.

- + Bản án sơ thẩm tuyên án chưa rõ ràng (chia đất cho bà H hai lần) dễ gây hiểu nhầm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh cách tuyên án để quyết định của bản án sơ thẩm được rõ ràng hơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của đại diện nguyên đơn, của bị đơn nộp trong thời hạn luật định, căn cứ vào Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét đơn theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Tại cấp sơ thẩm anh Nguyễn Văn T là đại diện theo ủy quyền của anh Ngô Đại T, chị Nghiêm Thị Minh T, chị Ngô Thị Thanh H và chị Ngô Thị Thu H tham gia tố tụng. Tại cấp phúc thẩm anh Ngô Đại T, chị Nghiêm Thị Minh T, chị Ngô Thị Thanh H và chị Ngô Thị Thu

H tự tham gia tố tụng (không ủy quyền cho anh T nữa) nên Tòa án không triệu tập anh Thường.

[3] Về nội dung kháng cáo:

3.1. Đại diện của nguyên đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị chia cho bà H tài sản và di sản nhiều hơn (Tức là chia cho bà H toàn bộ phần diện tích đất sát móng nhà 3 tầng Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho anh T chạy dọc ra phía các phòng trọ và phía sau nhà, diện tích quyền sử dụng đất bà H được chia sẽ tăng thêm khoảng 24m² đất nữa).

Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án sơ thẩm đã chia cho bà H 176,6m² đất trên tổng số 422,6m² đất, tỉ lệ gần 42% diện tích. Còn anh T được chia 246,0m² đất, tỉ lệ 58% diện tích. Hiện gia đình anh T đang sinh sống trên đất, có đông người hơn bà H. Hơn nữa nếu chia thêm đất sát móng ngôi nhà ba tầng cho bà H như kháng cáo thì anh T không có đường đi vào dọc nhà ra phía phòng trọ phía sau, bất tiện cho sinh hoạt và sử dụng công năng của bất động sản khác. Chia như Bản án sơ thẩm đã chia thì thấy hình thù hai thửa đất có tỉ lệ phù hợp với các cạnh. Việc Bản án sơ thẩm chia cho bà H ít hiện vật hơn nhưng đã buộc anh T phải thanh toán bằng tiền cho bà H nên cũng đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

3.2. Bị đơn là anh T kháng cáo với nội dung:

- Không đồng ý chia tài sản chung của bà H, Ông P. Bản án sơ thẩm chia cho bà H được hưởng ½ tài sản là chưa thỏa đáng đề nghị chia cho Ông P 7/10 và chia cho bà H 3/10 khối tài sản, cụ thể đất Ông P là 295,82m²;

- Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại cho anh phần công sức liên quan đến duy trì, bảo quản di sản, chi phí mai tang, cải táng, thờ cúng Ông P và tổ tiên, chia cho anh 2/5 di sản Ông P để lại;

- Đề nghị cấp phúc thẩm chia cho anh phần đất có nhà trồng lan và anh đồng ý thanh toán cho bà H bằng tiền để nhận phần đất này;

- Đề nghị chia một phần thừa đất số 95, tờ bản đồ 15 cho mẹ đẻ anh (Bà Nguyễn thị Thanh N, chết năm 1991) do bán nhà cũ ở P là tài sản của mẹ anh để đóng góp vào việc có di sản này;

- Đề nghị chia cả phần đất tại khu 7, Phố Y, xã T, huyện M, thành phố H cho các đồng thừa kế.

- Đề nghị được chia toàn bộ thừa số 95, tờ bản đồ 15 và tài sản trên đất để anh sử dụng, anh thanh toán cho bà H bằng tiền.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Thừa đất số 95, tờ bản đồ 15, diện tích 422,6m² (trong đó đất ở đô thị là 15.9m²; đất trồng cây lâu năm: 406,7m²) địa chỉ tại phường X, thành phố P, tỉnh

V được UBND thị xã P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 060025 ngày 23/6/2015 mang tên chủ sử dụng là ông Ngô Hạnh P và bà Ngô Thị H là tài sản chung của Ông P và bà H tạo dựng được sau khi kết hôn. Tòa án cấp sơ thẩm chia tài sản chung của Ông P, bà H và chia di sản của Ông P cho các đồng thừa kế như Bản án sơ thẩm là đã xem xét toàn diện và hợp lý.

- Bản án sơ thẩm đã trích cho anh T 33,3m² đất tương đương 200.000.000đ công quản lý di sản trong 8 năm là đã có phần ưu ái cho anh T và thanh toán cho anh T 100.000.000đ chi phí mai táng, cải táng, chuyển mộ Ông P là hợp tình, hợp lý.

- Việc Bản án sơ thẩm chia đất cho bà H có nhà khung bằng sắt, thép do anh T làm và buộc anh T tháo dỡ nhà trồng lan là hợp lý bởi anh đã được chia phần đất có nhà 3 tầng kiên cố. Nhà trồng lan chỉ làm tạm để treo các giỏ lan, các giỏ lan này không cố định dễ dàng di chuyển đi nơi khác. Nhà làm bằng khung sắt thép cũng tháo dỡ và tận dụng làm việc khác được.

- Không có cơ sở để chứng minh Ông P, bà H dùng tiền bán nhà cũ là tài sản của mẹ anh T ở Phố mua thửa đất số 95, tờ bản đồ 15 ở X. Hơn nữa tại phiên tòa phúc thẩm cả Chị H1, Chị H đều trình bày Ông P bán nhà ở Phố mua đất ở xã T, huyện M, thành phố H.

- Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết về tranh chấp quyền sử dụng đất tại khu 7, Phố Y, xã T, huyện M, thành phố H do các đương sự không có đơn yêu cầu nên cấp phúc thẩm không xem xét kháng cáo về giải quyết yêu cầu này của anh T. Nếu có yêu cầu chia thửa đất đó thì anh T giải quyết với bà H và có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác nếu không tự giải quyết được với nhau.

Từ những phân tích trên không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của anh T. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuy nhiên Hội đồng xét xử cần điều chỉnh cách tuyên so với bản án sơ thẩm cho rõ ràng, dễ hiểu hơn và tại phiên tòa phúc thẩm chị T (vợ anh T) và anh T đều trình bày nhà trồng hoa lan do cả hai vợ chồng làm nên nay buộc vợ chồng anh có trách nhiệm tháo dỡ nhà trồng lan để giao đất cho bà H.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên đề xuất tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của đại diện nguyên đơn không được chấp nhận tuy nhiên bà H là người cao tuổi nên miễn phí dân sự phúc thẩm cho bà. Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 12/2022/TB-TA ngày 11/9/2022 của Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh V.

1. Xác định tài sản của bà Ngô Thị H là 211,3m² đất và di sản của Ông P là 211,3 m² đất tại thửa đất số 95, tờ bản đồ 15, diện tích 422,6m² (trong đó đất ở đô thị là 15,9m², đất trồng cây lâu năm 406,7m²) cùng tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ phường X, thành phố P, tỉnh V được UBND thị xã P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 060025 ngày 23/6/2015 mang tên chủ sử dụng là ông Ngô Hạnh P và bà Ngô Thị H.

2. Xử chia cho anh Ngô Đại T được sở hữu, sử dụng các tài sản gồm:

- Quyền sử dụng diện tích 246,0m² đất (trong đó đất ở đô thị 8,8m², đất trồng cây lâu năm 237,2m²) thuộc một phần thửa đất số 95, tờ bản đồ 15, diện tích 422,6m² (trong đó đất ở đô thị là 15,9m²; đất trồng cây lâu năm là 406,7m²), địa chỉ thửa đất tại phường X, thành phố P, tỉnh V được UBND thị xã P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 060025 ngày 23/6/2015 mang tên chủ sử dụng là ông Ngô Hạnh P và bà Ngô Thị H có trị giá 246,0m² x 6.000.000,0 đồng/m² = 1.476.000.000đồng (Một tỷ bốn trăm bảy mươi sáu triệu đồng) và được sở hữu tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 3 tầng có diện tích xây dựng khoảng 125m²/sàn và các công trình xây dựng nhà trọ, cổng nhà, bờ rào thuộc diện tích đất được chia (Các công trình xây dựng trên diện tích đất đều đã hết khấu hao) nằm trên diện tích đất được giới hạn bởi các mốc: A, B, K, I1, F, F1, G, H, G2, G1, A (trong đó: AB dài 8,35m, BK dài 10,0 m, KI1 dài 0,9m, I1F dài 16,65m, FF1 dài 1,1m, F1G dài 4,0m, GH dài 4,3m, HG2 dài 16,3m, G2G1 dài 0,9m, G1A dài 6,38m).

Ranh giới đất như sau: Phía Đông Nam giáp đường bê tông xóm theo các mốc F,F1,G,H; phía Đông Bắc giáp phần đất chia cho bà Ngô Thị H theo các mốc F,I1,K,B; phía Tây Nam giáp đất ông bà Tường Thủy theo các mốc H,G2,G1,A; phía Đông Bắc giáp đường bê tông theo các mốc AB.

Buộc anh Ngô Đại T và chị Nghiêm Thị Minh T phải tháo dỡ 01 nhà khung thép có diện tích sàn là 116 m² có vị trí tương đương tầng 2 của ngôi nhà 3 tầng được giới hạn bởi các mốc I1,D1,E,F,I1 (thường gọi là nhà trồng Lan) và toàn bộ cửa ra vào và các kết cấu đi kèm theo cửa như đường ray, dầm bê tông, dầm thép...ở vị trí các mốc E,F (sau khi tháo dỡ toàn bộ vật liệu thuộc sở hữu của anh Ngô Đại T).

Anh Ngô Đại T được sở hữu, sử dụng các tài sản có giá trị là: 1.476.000.000đ (Một tỷ bốn trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

3. Chia cho bà Ngô Thị H được sở hữu, sử dụng các tài sản gồm: Quyền sử dụng diện tích $176,6\text{m}^2$ đất (trong đó đất ở đô thị $7,1\text{m}^2$, đất trồng cây lâu năm $169,5\text{m}^2$) thuộc một phần thửa đất số 95, tờ bản đồ 15, diện tích $422,6\text{m}^2$ (trong đó đất ở đô thị là $15,9\text{m}^2$; đất trồng cây lâu năm là $406,7\text{m}^2$) địa chỉ tại phường X, thành phố P, tỉnh V được UBND thị xã P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 060025 ngày 23/6/2015 mang tên chủ sử dụng là ông Ngô Hạnh P và bà Ngô Thị H có trị giá $176,6\text{m}^2 \times 6.000.000,0 \text{ đồng/m}^2 = 1.059.600.000\text{đồng}$ (Một tỷ không trăm năm mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng) và được sở hữu tài sản gắn liền với đất là các công trình xây dựng nhà trọ, sân gạch trên diện tích được chia (các công trình xây dựng trên diện tích đất đều đã hết khấu hao) nằm trên diện tích đất được giới hạn bởi các mốc B, C, D, D1, E, F, I1, K, B (trong đó BC dài 6,8m, CD dài 8,29m, DD1E dài 21,84m, EF dài 5,8m, FI1 dài 16,65m, I1K dài 0,9m, KB dài 10,0m). Ranh giới đất như sau: Phía Đông Nam giáp đường bê tông xóm theo các mốc E, F; phía Tây giáp phần của thửa đất chia cho anh Ngô Đại T theo các mốc F, I1, K, B; phía Đông Bắc giáp đất ông bà Tình Huyền và ông bà Tú Huyền theo các mốc E, D1, D, C; phía Đông Bắc giáp đường bê tông theo các mốc B, C. Bà Ngô Thị H được sở hữu, sử dụng các tài sản có giá trị là 1.059.600.000đồng (Một tỷ không trăm năm mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

4. Giá trị tài sản thừa kế anh Ngô Đại T được hưởng ($140,1\text{m}^2 \times 6.000.000 \text{ đ/m}^2$) là 840.600.000đồng (Tám trăm bốn mươi triệu sáu trăm nghìn đồng). Giá trị tài sản anh T được chia là 1.476.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bảy mươi sáu triệu đồng), giá trị tài sản anh T được chia vượt quá giá trị tài sản được hưởng là 635.400.000 đồng (Sáu trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng). Giá trị tài sản bà Ngô Thị H được hưởng ($282,5\text{m}^2 \times 6.000.000 \text{ đồng/m}^2$) là 1.695.000.000đồng (Một tỷ sáu trăm chín mươi lăm triệu đồng). Giá trị tài sản bà H được chia là 1.059.600.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng). Số tiền bà H được nhận từ các đồng thừa kế khác (anh Ngô Đại T) 635.400.000đồng (Sáu trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng) nhưng trừ cho anh T số tiền 100.000.000đồng (tiền chi phí mai táng, cải táng và chuyển mộ Ông P), buộc anh Ngô Đại T phải thanh toán chênh lệch tài sản cho bà Ngô Thị H số tiền 535.400.000 đồng (Năm trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thanh toán đủ khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

5. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Ngô Đại T phải hoàn trả cho bà Ngô Thị H chi phí tố tụng (xem xét thẩm định và định giá tài sản) là 3.000.000đồng (ba triệu đồng).

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Ngô Thị H không phải nộp án phí sơ thẩm đối với phần tài sản được chia cũng như phần di sản thừa kế được nhận do bà có đơn xin miễn và thuộc trường hợp được miễn án phí.

- Bà Ngô Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm phần nhận di sản thừa kế của chị Ngô Thị Hạnh N là 10.680.000đồng (Mười triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

- Anh Ngô Đại T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm phần di sản được hưởng là 20.536.000đồng (Hai mươi triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

- Anh Ngô Đại T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm phần nhận di sản thừa kế của chị Ngô Thị Thanh H là 10.680.000đồng (Mười triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

- Anh Ngô Đại T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm phần nhận di sản thừa kế của chị Ngô Thị Thu H là 10.680.000đồng (Mười triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

7. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Ngô Thị H.

- Anh Ngô Đại T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000862 ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh V (Anh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm).

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh V;
- TAND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Thành

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thúy Mai Nguyễn Xuân Trọng

Nguyễn Vĩnh Thành